

Xuất khẩu Hồ tiêu 10 tháng năm 2021: Kim ngạch xuất khẩu đạt gần 800 triệu USD

Tính đến hết tháng 10/2021, VN đã XK được 229.736 tấn kim ngạch đạt 791,2 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2020 lượng XK giảm 5% tuy nhiên kim ngạch tăng 45,8%. NK của châu Mỹ tăng 8,9% trong đó Mỹ là thị trường NK Hồ tiêu lớn nhất của VN đạt 50.939 tấn, tăng 8,9% so cùng kỳ. Xuất khẩu tăng mạnh ở các thị trường Canada, El Salvador, Dominica, Venezuela,... và giảm ở Mexico. Ở khu vực châu Âu, NK tăng 3,9%, đứng đầu là các thị trường Đức: 10.310 tấn, tăng 9%; Hà Lan 8.164 tấn, tăng 27,8%; Anh: 5.043 tấn, tăng 8,8%, Pháp: 4.756 tấn, tăng 27,9%... NK giảm ở Nga, Ba Lan, Ucraina, Israel,...

Trong khi đó, tại khu vực châu Á NK giảm 9,7% trong đó Trung Quốc giảm 16,5% đạt 37.283 tấn. Nhập khẩu của Ả Rập tăng mạnh 35% đạt 14.610 tấn và tiếp tục là thị trường NK Hồ tiêu lớn thứ 2 tại châu Á của VN. Nhập khẩu của Ấn Độ 11.382 tấn, tăng 1,2%; Pakistan: 9.877 tấn, tăng 8,5%; Hàn Quốc: 5.417 tấn, tăng 7,7%, ... Các thị trường NK giảm: Thái Lan, Saudi Arab, Nhật Bản, Myanmar,... Khu vực châu Phi NK giảm 31% trong đó Ai Cập giảm 32,7% đạt 5.237 tấn. Nhập khẩu cũng giảm ở Nam Phi, Senegal, Gambia, Tunisia, Sudan,... Các nước nhập khẩu

tiêu trắng hàng đầu: Đức: 4.658 tấn, Mỹ: 3.696 tấn, Hà Lan: 2.740 tấn, Trung Quốc: 2.376 tấn, Thái Lan: 1.517 tấn,...

Đứng đầu XK Hồ tiêu 10 tháng năm 2021 là công ty Olam với lượng XK đạt 20.960 tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Tiếp theo là các DN Trần Châu: 20.788 tấn, giảm 12,1%; Nedspice: 16.196 tấn, tăng 9,6%; Phúc Sinh: 14.821 tấn, giảm 22,4%; Haprosimex JSC: 11.057 tấn, giảm 7,2%;... Các DN XK tiêu trắng hàng đầu: Olam: 3.680 tấn; Nedspice: 3.230 tấn; Liên Thành: 2.778 tấn, Trần Châu: 2.138 tấn, Phúc Sinh: 1.495 tấn,... Khối các DN trong VPA XK chiếm 73,7%, tăng 0,8% so với cùng kỳ.

Về nhập khẩu: 10 tháng năm 2021 VN nhập 21.977 tấn, trong đó tiêu đen đạt 16.322 tấn, tiêu trắng đạt 5.655 tấn, so với cùng kỳ 2020 lượng NK giảm 29,1%. Trong đó Olam NK đạt 10.074 tấn, chiếm 45,8% tổng lượng NK. Tiếp theo là các DN Harris Freeman: 1.986 tấn, Gia vị Sơn Hà: 1.858 tấn, KSS VN: 1.649 tấn, Nedspice: 1.146 tấn, Vinh Hưng: 1.045 tấn,... NK Hồ tiêu của VN từ Indonesia giảm 41,8%, Brazil giảm 38,2% và từ Cambodia tăng 111,8%. Indonesia là quốc gia XK tiêu trắng chủ yếu sang VN đạt 5.447 tấn chiếm 96,3% tổng lượng nhập khẩu.

So sánh 30 DN XK Hồ tiêu hàng đầu Việt Nam

đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	10 tháng 2019	10 tháng 2020	10 tháng 2021	% +/- 21/20
1	Olam Việt Nam	16.277	19.440	20.960	7,8
2	Pearl Group	27.159	23.656	20.788	-12,1
3	Nedspice	12.969	14.773	16.196	9,6
4	Phúc Sinh	17.817	19.101	14.821	-22,4
5	Haprosimex JSC	12.256	11.916	11.057	-7,2
6	Liên Thành	7.387	6.781	9.342	37,8
7	Gia vị Sơn Hà	5.740	6.670	6.662	-0,1
8	Hoàng Gia Luân	5.079	5.640	6.229	10,4
9	Harris Freeman	5.037	4.987	5.996	20,2
10	Intimex Group	4.134	4.363	5.139	17,8
11	Unispice Việt Nam	4.572	4.541	5.100	12,3
12	Interserco VCI			5.044	100,0
13	DK Commodity	5.029	6.281	4.908	-21,9
14	Simexco Đắk Lắk	4.602	4.504	4.734	5,1
15	Sinh Lộc Phát	6.794	7.983	4.454	-44,2
16	Vũ Đức Thuận			4.164	100,0
17	Nam Thịnh Phát	704	5.405	4.011	-25,8
18	Ptexim Corp	2.943	3.162	4.006	26,7
19	Pitco	2.467	2.233	3.792	69,8
20	Hoàng Duy Tôn	112	188	3.721	1.879,3
21	Phúc Lợi	3.090	3.125	3.456	10,6
22	Expo Commodities	2.869	1.573	3.221	104,8
23	Phạm Thị Hằng		770	3.122	305,5
24	Prosi Thăng Long	1.928	2.860	3.034	6,1
25	Trần Huy Toàn	60	4.575	2.941	-35,7
26	Synthite Việt Nam	2.396	2.536	2.820	11,2
27	Ottogi Việt Nam	2.160	2.232	2.568	15,1
28	Hanfime	4.874	3.384	2.191	-35,3
29	Lý Hoàng Sơn	353	8.019	2.189	-72,7
30	Molvizadah Sons	3.524	2.583	2.143	-17,0

So sánh 30 TT NK Hồ tiêu hàng đầu

đơn vị: tấn

Stt	Thị trường	10 tháng 2019	10 tháng 2020	10 tháng 2021	% +/- 21/20
1	America	43.102	46.765	50.939	8,9
2	China	54.649	44.674	37.283	-16,5
3	United Arab	9.478	10.825	14.610	35,0
4	India	17.785	11.251	11.382	1,2
5	Germany	9.605	9.463	10.310	9,0
6	Pakistan	9.389	9.100	9.877	8,5
7	Netherlands	6.932	6.390	8.164	27,8
8	Korea	4.093	5.028	5.417	7,7
9	Philippine	4.947	5.598	5.371	-4,1
10	Egypt	6.459	7.776	5.237	-32,7
11	England	3.982	4.636	5.043	8,8
12	France	2.668	3.718	4.756	27,9
13	Russia	4.936	5.062	4.727	-6,6
14	Ireland	6.043	4.519	4.132	-8,6
15	Thailand	6.161	4.600	3.890	-15,4
16	Iran	5.187	3.320	3.759	13,2
17	Turkey	4.801	3.073	3.648	18,7
18	Japan	2.616	3.055	2.872	-6,0
19	Canada	2.248	2.303	2.837	23,2
20	Spain	2.174	2.354	2.503	6,3
21	South Africa	2.702	2.630	2.410	-8,4
22	Saudi Arabia	3.143	2.774	2.215	-20,2
23	Australia	1.556	2.009	2.135	6,3
24	Poland	2.403	2.871	2.104	-26,7
25	Papua New Guinea	787	805	1.411	75,3
26	Bangladesh	817	1.423	1.393	-2,1
27	Ukraine	1.686	1.592	1.366	-14,2
28	Malaysia	1.536	994	1.292	30,0
29	Taiwan	1.051	1.005	1.269	26,3
30	Senegal	2.901	2.279	1.261	-44,7



Giá hạt tiêu trong nước tăng mạnh

Nguồn cung khan hiếm đã đẩy giá hạt tiêu tại thị trường nội địa ở mức cao. Lượng hàng bán ra rất ít, một phần do nguồn cung trong dân gần như đã hết. Các biện pháp giãn cách xã hội được nói lỏng giúp hàng hóa lưu thông tốt, hoạt động xuất khẩu diễn ra bình thường.

Tuần cuối tháng 10/2021, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa ở mức 88.500 đồng/kg, tăng 8.500 đồng/kg; hạt tiêu trắng ở mức 130.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với cuối tháng 9/2021.

Quý III/2021, giá hạt tiêu xuất khẩu tại hầu hết các nước sản xuất lớn trên thế giới tăng do nguồn cung khan hiếm và hoạt động vận chuyển gặp khó khăn. Bên cạnh đó, nhu cầu nhập khẩu tăng dịp cuối năm cũng tác động tích cực lên giá hạt tiêu.



Cụ thể: Tại Bra-xin, ngày 29/10/2021, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 200 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, lên 4.200 USD/tấn.

Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, ngày 29/10/2021, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu cùng tăng 200 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, lên mức 4.390 USD/tấn và 4.490 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 200 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, lên mức 6.390 USD/tấn.

Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 46 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, lên 4.395 USD/tấn. Tại cảng Muntok, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 61 USD/tấn, lên 7.222 USD/tấn.

Tại cảng Kochi (Ấn Độ), giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 592 USD/tấn so với ngày 30/9/2021, lên 6.311 USD/tấn.

Dự báo giá hạt tiêu toàn cầu sẽ tăng trong thời gian tới do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu tăng cao dịp cuối năm.

Xuất khẩu hạt tiêu quý III/2021 giảm so với Quý II/2021, tăng mạnh so quý III/2020

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam quý III/2021 giảm mạnh so với quý II/2021 do ảnh hưởng tiêu cực từ làn sóng Covid-19 lần thứ 4, giảm 36,5% về lượng và giảm 30,1% về trị giá, nhưng so với quý III/2020 tăng 10,7% về lượng và tăng 66,9% về trị giá, đạt 59,3 nghìn tấn, trị giá 223,44 triệu USD.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 213 nghìn tấn, trị giá 719,16 triệu USD, giảm 3,2% về lượng, nhưng tăng 47% về trị giá so với 9 tháng đầu năm 2020. Dự báo xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sẽ tăng dịp cuối năm nhờ nhu cầu tiêu thụ của thị trường nước ngoài tăng, giá giữ ở mức cao. Về khu vực, Quý III/2021, trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang tất cả các khu vực giảm mạnh so với quý II/2021, còn so với quý III/2020, trị giá xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các khu vực tăng, ngoại trừ châu Phi.

Về chủng loại, Quý III/2021 so với quý II/2021, trị giá xuất khẩu tất cả các chủng loại hạt tiêu giảm, mức giảm thấp nhất 12,3% đối với hạt tiêu trắng, mức giảm cao nhất 34,6% đối với hạt tiêu đen. Còn so với quý III/2020, trị giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại hạt tiêu tăng, ngoại trừ hạt tiêu đen xay.

Những tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hạt tiêu của hầu hết các nước có dung lượng thị trường lớn tăng so với cùng kỳ năm 2020, ngoại trừ Trung Quốc. Đối với ngành hạt tiêu Việt Nam, do ảnh hưởng nặng nề từ làn sóng Covid-19 khiến hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn. Bên cạnh đó, giá xuất khẩu của Việt Nam tăng nhanh và mạnh trong các tháng đầu năm nay khiến cho một số nước có xu hướng chuyển sang nhập khẩu hạt tiêu từ Bra-xin.

Theo Bộ Công Thương

KHÓA ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN (ONLINE): “Nâng cao năng lực xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành hàng Hồ tiêu”

Thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2021, Cục Xúc tiến thương mại (XTTM) phối hợp với Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam tổ chức Khóa đào tạo trực tuyến với chủ đề “Nâng cao năng lực xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành hàng Hồ tiêu” (dự thảo Chương trình đính kèm), nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: 03 ngày (6 buổi) từ ngày 1-3/12/2021, gồm 2,5 ngày học và 0,5 ngày thảo luận và thực hành bài tập.

2. Hình thức tổ chức và chi phí: Theo hình thức trực tuyến (online), miễn phí tham dự.

3. Quy mô và đối tượng tham gia: Khóa đào tạo trực tuyến dự kiến có khoảng 30-50 học viên/lớp, học viên là các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành hàng Hồ tiêu.

4. Giảng viên: Các chuyên gia về quản trị, xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu.

5. Nội dung đào tạo:

- Phần lý thuyết: (1) Tiếp cận đa chiều về thương hiệu; (2) Định vị thương hiệu và vấn đề lựa chọn mô hình thương hiệu của các DN ngành Hồ tiêu; (3) Thiết kế bộ nhận diện và phát triển các điểm tiếp xúc thương hiệu; (4) Hoạt động bảo vệ thương hiệu và Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp; (5) Truyền thông thương hiệu và những lưu ý trong truyền thông thương hiệu; (6) Đăng ký bảo hộ Sở hữu trí tuệ. Đăng ký quốc gia và quốc tế đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, chỉ dẫn địa lý...).

- Phần thảo luận, thực hành bài tập: (1) Một số ví dụ và trường hợp điển hình về câu chuyện thương hiệu của doanh nghiệp trong nước và quốc tế; (2) Thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm của các học viên đối với 1 chủ đề do giảng viên đưa ra; (3) Bài tập tình huống về thương hiệu.

Đăng ký trước ngày 22/11/2021. Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ Việt Anh - 090 992.9691.



Kiến nghị Thủ tướng kéo dài thời gian giảm các loại phí, lệ phí hết 6 tháng đầu năm 2022

Bộ Tài chính kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương cho phép tiếp tục giảm các loại phí, lệ phí đến hết 6 tháng đầu năm 2022, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp...



Chính phủ giảm 3.000 tỷ đồng từ 30 loại thuế, phí đến hết năm 2021 để hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân.

Bộ Tài chính vừa có công văn 12312/BTC-CST gửi Thủ tướng Chính phủ về rà soát giảm phí, lệ phí để tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Trong công văn này, Bộ Tài chính đánh giá năm 2021, do hậu quả nặng nề bởi đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 gây ra, kinh tế quý 3/2021 tăng trưởng âm 6,17% so với cùng kỳ năm 2020, làm cho tăng trưởng kinh tế 9 tháng đầu năm chỉ đạt 1,42%, là mức thấp nhất từ năm 2000 đến nay. Do đó, dự báo cả năm chỉ đạt khoảng 3%, thấp xa so với mục tiêu Quốc hội đề ra 6%.

Trong bối cảnh này, kinh tế – xã hội cả nước đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn và có thể còn tiếp tục kéo dài trong những tháng cuối năm 2021.

Dự báo, trong năm 2022, tình hình dịch bệnh trên thế giới và ở nước ta còn diễn biến phức tạp, khó lường, có thể còn bùng phát các đợt dịch mới với những biến chủng mới, lây lan nhanh hơn và nguy hiểm hơn.

Để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, Bộ Tài chính báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cho phép tiếp tục kéo dài thời gian hết 6 tháng đầu năm 2022 đối với các khoản phí, lệ phí đã giảm năm 2021. Đồng thời, chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ tiếp tục rà

soát, điều chỉnh giảm phí, lệ phí khác để hỗ trợ đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong năm 2022.

Bộ Tài chính xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cho phép Bộ ban hành các Thông tư giảm phí, lệ phí theo trình tự, thủ tục rút gọn, có hiệu lực thi hành ngay, để kịp thời hỗ trợ đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Bộ Tài chính cho biết thêm, Bộ vừa có công văn số 12311/BTC-CST ngày 27/10/2021 đề nghị Bộ Tư pháp cho ý kiến với đề xuất ban hành Thông tư tiếp tục giảm phí, lệ phí theo trình tự thủ tục rút gọn và gửi Văn phòng Chính phủ trước ngày 03/11/2021 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo.

Trước đó, trong thời gian qua, Bộ Tài chính tiếp tục nhận được đề nghị của các Bộ về kéo dài thời gian giảm phí, lệ phí trong năm 2022.

Cụ thể, công văn số 3244/BCA-H01 ngày 13/9/2021 của Bộ Công an về đánh giá tình hình thực hiện thu phí, lệ phí thuộc quản lý của Bộ Công an, trong đó, đề nghị kéo dài thời gian giảm phí, lệ phí đến khi dịch Covid-19 kết thúc.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng gửi công văn số 8236/BGTVT-TC ngày 10/8/2021 đề nghị tiếp tục giảm phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đến hết năm 2022; công văn số 10062/BGTVT-TC ngày 27/9/2021 đề nghị giảm phí sử dụng đường bộ đến hết tháng 6/2022.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp đề nghị miễn phí sử dụng đường bộ trong thời gian bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của UBND cấp tỉnh trong thời gian giãn cách.

Được biết, năm 2020, trên cơ sở đề xuất của các Bộ, Bộ Tài chính ban hành 21 Thông tư điều chỉnh giảm mức thu 29 khoản phí, lệ phí, với nhiều mức giảm cao như giảm 20% mức phí thẩm định cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giảm 50% mức thu phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng...

Để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 năm 2021, gần đây nhất, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/06/2021, quy định giảm mức thu 30 khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Lũy kế hết năm 2021, số giảm thu từ phí, lệ phí khoảng 3.000 tỷ đồng.

Theo VnEconomy

EU thông báo tần suất kiểm tra thực tế với một số mặt hàng nông sản được nhập khẩu vào EU



nhập khẩu vào EU.

Theo đó, đối với Việt Nam, tần suất kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật với các loại nông sản như sau:

Ngày 3 tháng 11, Ủy ban châu Âu đã đăng công báo Quy định số 2021/1900, ban hành ngày 27/10/2021, sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc áp dụng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức và khẩn cấp một số thực phẩm được

- Hạt tiêu: 50% - Rau mùi: 50%
- Húng quế: 50% - Bạc hà: 50%
- Đậu bắp: 50% - Thanh long: 10%.

Quy định này sẽ được áp dụng từ ngày 23/11/2021.

Theo định kỳ, cứ sáu tháng một lần, Ủy ban sẽ xem xét các danh sách thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật từ một số nước thứ ba chịu sự tăng cường tạm thời của biện pháp kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới để đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thông tin chi tiết xin tham khảo tại đây: https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_impl/2021/1900/oj

Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU



Các doanh nghiệp nhập khẩu Hồ tiêu

đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	10 tháng 2019	10 tháng 2020	2021										Tổng	% +/- 21/20
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Olam Việt Nam	7.979	10.169	1.203	592	1.360	1.409	2.415	785	689	95	921	605	10.074	-0,9
2	Harris Freeman	2.566	1.531	300	228	292	485	247	153	92	117		72	1.986	29,7
3	Gia vị Sơn Hà	827	1.055	50	399	340	158	291	239	265		116		1.858	76,1
4	KSS Việt Nam	1.739	1.744	175	60	271	98	222	211	226	105	60	221	1.649	-5,4
5	Nedspice	2.797	1.980	348	142	64	65	25	41	71	81	175	134	1.146	-42,1
6	Vinh Hưng	1.820	1.800	303	55	28	300	247		84		28		1.045	-41,9
7	Pearl Group	1.826	2.913	323	27	31			78	52	52		27	590	-79,7
8	XNK Quảng Ninh	336	251	224	28	97	112	84	27					572	127,9
9	Đức Long	197	709	17		168	112	106						403	-43,2
10	Ddp	1.866	84	168	27		82	28						305	263,1
11	Quốc tế Việt Cam				50	40					60	80	20	250	100,0
12	Xây dựng 5			28		27	55	28			28			166	100,0
13	Liên Thành	375	505					25		127				152	-69,9
14	Chung Dũng	150	100		25			50		25		50		150	50,0
15	Thái Hòa			84		25		28						137	100,0
16	Hoàng Mỹ Anh	532		84			28							112	100,0
17	Cầm Giang						84	28						112	100,0
18	Thành Tùng	1.216	671		28		56			28				112	-83,3
19	Phúc Sinh	140	1.766			15		16					50	81	-95,4
20	Unispice	51	737	76										76	-89,7
	Khác	10.792	4.933	203	66	72	154	83	123	104	50	88	58	1.001	-79,7
	Tổng	35.209	31.011	3.586	1.727	2.830	3.198	3.923	1.657	1.763	588	1.518	1.187	21.977	-29,1

Số liệu Hồ tiêu nhập khẩu

đơn vị: tấn

Stt	Quốc gia	10 tháng 2019	10 tháng 2020	2021										Tổng	% +/- 21/20
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Indonesia	19.668	13.617	1.878	365	1.088	1.511	1.140	350	425	303	385	479	7.924	-41,8
2	Cambodia *	1.920	2.706		126	480	775	1.847	638	586	108	794	377	5.731	111,8
3	Brazil	11.685	9.177	1.186	1.113	1.027	645	527	418	518	52	133	50	5.669	-38,2
4	Việt Nam **	1.338	797	97	35	95	76	114	84	115	38	37	108	799	0,3
5	Malaysia	298	510	100	42	48	85	99	29	43	68	51	43	608	19,2
6	China	28	185	3	5	5	24	166	7	11	2	25	10	258	39,5
7	India	134	597	34		12	25	27		5		21	5	129	-78,4
8	Singapore		149	23					17	15		25	44	124	-16,8
9	Spain		87	108										108	24,1
10	Korea		95	60	2	10	1	1		2		11	1	88	-7,4
11	Madagascar	65		28		28	28							84	100,0
12	Ecuador		296	25	27		27							79	-73,3
13	Germany		25									34	34	68	172,0
14	United Arab								55					55	100,0
15	Lào	40	125						40				10	50	-60,0
	Khác	33	2.645	44	12	37	1	2	19	43	17	2	26	203	-92,3
	Tổng	35.209	31.011	3.586	1.727	2.830	3.198	3.923	1.657	1.763	588	1.518	1.187	21.977	-29,1

*: Nhập khẩu chính ngạch - **: Hàng xuất khẩu bị trả về